HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **PHƯỜNG TỨ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29 /NQ-HĐND	*Tứ Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TỨ MINH
KHÓA XXII, KỲ HỌP LẦN THỨ 15

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 21/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ

lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã thành phố Hải Phòng năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về kế hoạch tài chính 05 năm thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị.

Căn cứ Thông báo số 94-TB/ĐU ngày 05/12/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường Tứ Minh về việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và dự toán thu chi ngân sách năm 2025, dự kiến năm 2026;

Xét đề nghị tại Tờ trình 46/TTr-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân Tứ Minh về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 phường Tứ Minh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường Tứ Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương năm 2026 phường Tứ Minh như sau:

1. Dự toán thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn phường theo phân cấp năm 2026 là 348.560 triệu đồng gồm:

a) Thu tiền sử dụng đất: 127.600 triệu đồng.

b) Thu thường xuyên: 220.960 triệu đồng.

2. Dự toán thu ngân sách địa phương của phường là 230.399 triệu đồng gồm:

a) Thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp: 155.326 triệu đồng.

b) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 75.073 triệu đồng, bao gồm:

- Thu bổ sung cân đối: 48.612 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 26.461 triệu đồng.

Điều 2. Quyết định phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 của phương Tứ Minh là 230.399 triệu đồng bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển: 59.901 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên: 166.478 triệu đồng.

Trong đó: Tiết kiệm chi thường xuyên: 3.841 triệu đồng.

3. Dự phòng ngân sách phường: 4.020 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 01,02,03,04 đính kèm)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại khoản 7 Điều 32 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân phường và báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp gần nhất.

c) Giao dự toán ngân sách cho các phòng, trung tâm, đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Tổ chức đồng bộ các giải pháp, trên cơ sở bám sát điều hành của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, của thành phố Hải Phòng về dự toán ngân sách năm 2026 và tình hình thực tế tại địa phương. Chỉ đạo điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách cấp xã và ngân sách địa phương.

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp để quản lý thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo quy định của pháp luật, quản lý tốt các khoản thu có điều kiện tăng thu, nhất là các khoản thu từ đất.

đ) Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán giao, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tổ chức bộ máy, thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế của hệ thống hành chính; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết của Trung ương, thành phố Hải Phòng. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, chế độ tự kiểm tra tài chính, kế toán trong các đơn vị sử dụng ngân sách.

e) Nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân phường Tứ Minh khóa XXII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- TT HĐND thành phố
- UBND thành phố
- Sở Tài chính
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường;
- TT UBMTQ phường;
- UBND phường;
- Các ban HĐND; Đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- VP HĐND-UBND phường;
- Cổng TTĐT phường;
- Lưu: VT, HSKH.

(để b/c);

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D PHƯỜNG TỨ MINH T.P HẢI PHÒNG

Nguyễn Tá Duân

PHỤ LỤC 1

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của HĐND phường Tứ Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSX được điều tiết
A	B	1	2
	TỔNG THU	**348.560**	**155.326**
I	**Thu nội địa**	**348.560**	**155.326**
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	184.585	99.671
4.1	*Thuế GTGT*	*107.305*	
4.2	*Thuế TTĐB*	*120*	
4.3	*Thuế TNDN*	*77.150*	
4.4	*Thuế Tài nguyên*	*10*	
5	Thuế thu nhập cá nhân		
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	25.395	15.491
	Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất	*5.587*	
8	Thu phí, lệ phí	320	320
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.120	2.120
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	6.480	2.592
12	Thu tiền sử dụng đất	127.600	34.520
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	1.810	362

	Trong đó: Thu khác ngân sách xã	*362*	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	250	250

PHỤ LỤC 1A

DỰ TOÁN PHẤN ĐẤU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của HĐND phường Tứ Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		Tổng thu NSNN pháp lệnh	Tổng thu NSNN phấn đấu
A	B	1	2
	TỔNG THU	**348.560**	**359.017**
I	**Thu nội địa**	**348.560**	**359.017**
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	184.585	190.123
4.1	*Thuế GTGT*	*107.305*	110.524
4.2	*Thuế TTĐB*	*120*	124
4.3	*Thuế TNDN*	*77.150*	79.465
4.4	*Thuế Tài nguyên*	*10*	10
5	Thuế thu nhập cá nhân		0
6	Thuế bảo vệ môi trường		0
7	Lệ phí trước bạ	25.395	26.219
	Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất	*5.587*	5.755
8	Thu phí, lệ phí	320	330
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.120	2.184
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	6.480	6.674
12	Thu tiền sử dụng đất	127.600	131.428
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	1.810	1.810

	Trong đó: Thu khác ngân sách xã	*362*	*362*
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	250	250

PHỤ LỤC 2

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của HĐND phường Tứ Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	GHI CHÚ
A	B	1	2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	**230.399**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**59.901**	
1	Chi đầu tư cho các dự án	59.901	
II	**Chi thường xuyên**	**166.478**	
	Trong đó:		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	86.994	
2	Chi khoa học và công nghệ	390	
3	Chi an ninh và trật tự ATXH	2.441	
4	Chi quốc phòng	2.696	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	2.066	
6	Chi văn hóa thông tin	1.617	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	300	
8	Chi thể dục thể thao	355	
9	Chi bảo vệ môi trường	7.201	
10	Chi các hoạt động kinh tế	5.156	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	29.188	
12	Chi bảo đảm xã hội	27.246	
13	Chi khác	828	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	3.841	
III	**Dự phòng ngân sách**	**4.020**	

PHỤ LỤC 3

BIỂU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TỨ MINH NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của HĐND phường Tứ Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
A	B	C	D
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ**	**230.399**	
I	**Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp**	**155.326**	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	8.639	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	146.687	
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**75.073**	
-	Thu bổ sung cân đối	48.612	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	26.461	
III	**Thu kết dư**	**0**	
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	**0**	
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ**	**230.399**	
I	**Tổng chi cân đối ngân sách xã**	**230.399**	
1	Chi đầu tư phát triển	59.901	
2	Chi thường xuyên	166.478	
3	Dự phòng ngân sách	4.020	

PHỤ LỤC 4

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của HĐND phường Tứ Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ			CHI THƯỜNG XUYÊN						CHI THƯỜNG XUYÊN					CHI THƯỜNG XUYÊN					CHI THƯỜNG XUYÊN			DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	GHI CHÚ
			TỔNG CHI ĐẦU TƯ	Trong đó		TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN	Trong đó					Trong đó					Trong đó					Trong đó				
							Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội			Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục, thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế				Chi hoạt động của cơ quan quản lý địa phương, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi thường xuyên khác	*Trong đó tiết kiệm 10%*		
				Từ nguồn điều tiết đất được điều tiết	Từ nguồn vốn XDCBTT TP cấp MT				Cộng	Chia ra							Cộng	Chia ra								
										Chi an ninh trật tự và ATXH	Chi quốc phòng							Sự nghiệp nông nghiệp	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	Sự nghiệp kinh tế khác						
A	B	1=2+3	2			3	4	5	6			7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
-	**TỔNG SỐ**	230.399.000	59.901.000	34.520.000	25.381.000	166.478.000	86.994.000	390.000	5.137.000	2.441.000	2.696.000	2.066.000	1.617.000	300.000	355.000	7.201.000	5.156.000	434.000	3.722.000	1.000.000	29.188.000	27.246.000	828.000	3.841.000	4.020.000	
I	**CHI ĐẦU TƯ**	59.901.000	59.901.000	34.520.000	25.381.000				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Văn phòng HĐND&UBND	59.901.000	59.901.000	34.520.000	25.381.000				0								0									
II	**CHI THƯỜNG XUYÊN**	140.067.308	0	0	0	140.067.308	70.748.980	390.000	5.137.000	2.441.000	2.696.000	1.966.000	1.417.000	300.000	300.000	7.201.000	5.156.000	434.000	3.722.000	1.000.000	24.475.428	22.975.900	0	2.645.966	0	
1	Văn phòng Đảng ủy phường	8.938.213				8.938.213			0								0				8.938.213			115.930		
2	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể xã, các tổ chức xã hội	3.184.332				3.184.332			0								0				3.184.332			38.400		
3	Văn phòng HĐND&UBND	22.376.870				22.376.870			5.137.000	2.441.000	2.696.000					7.201.000	3.722.000		3.722.000		6.316.870			1.178.600		

4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	5.499.022				5.499.022			0							0	1.100.000	100.000		1.000.000	1.899.022	2.500.000		196.700		
5	Phòng Văn hoá - Xã hội	25.059.760				25.059.760	1.600.000	390.000	0			100.000					0				2.493.860	20.475.900		131.400		
6	Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công	2.351.000				2.351.000			0				1.417.000	300.000	300.000		334.000	334.000						48.000		
7	Trung tâm PV Hành chính công	1.643.131				1.643.131			0								0				1.643.131			33.600		
8	Trạm y tế phường Tứ Minh	1.866.000				1.866.000			0			1.866.000					0							48.000		
9	Khối Giáo dục, ĐT và dạy nghề	69.148.980	0	0	0	69.148.980	69.148.980	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	855.336	0	
9.1	Trường mầm non Cẩm Đoài	5.700.834				5.700.834	5.700.834										0							70.873		
9.2	Trường tiểu học Cẩm Đoài	6.604.948				6.604.948	6.604.948										0							81.948		
9.3	Trường THCS Cẩm Đoài	4.831.365				4.831.365	4.831.365										0							59.972		
9.4	Trường mầm non Tứ Minh	9.200.886				9.200.886	9.200.886										0							113.949		
9.5	Trường tiểu học Tứ Minh	18.047.222				18.047.222	18.047.222										0							224.214		
9.6	Trường THCS Tứ Minh	14.079.399				14.079.399	14.079.399										0							174.842		
9.7	Trường THCS Nguyễn Huệ	9.663.565				9.663.565	9.663.565										0							115.139		
9.8	Trung tâm Chính trị P.Tứ Minh	1.020.759				1.020.759	1.020.759		0								0							14.400		
10	Dự toán chưa phân bổ	26.410.692	0	0	0	26.410.692	16.245.020	0	0	0	0	100.000	200.000	0	55.000	0	0	0	0	0	4.712.572	4.270.100	828.000	1.195.034		
III	**Dự phòng**	4.020.000				0			0								0								4.020.000	